CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM

Ngày 31/03/2025	5,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	19.6%	-8.3%

DT thuần
Q1/25
13.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.90| -18.1%
YoY: ▼58.0| -81.7%

LN thuần
Q1/25
-1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.74| 40.5%
YoY: ▼2.53| -176%

LN sau thuế
Q1/25
-1.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.85| -342%
YoY: ▼2.54| -177%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-5.1%
YoY: +/-▼ 6.6%

ROE (TTM)
Q1/25
3.2%
YoY: +/-▼ 4.1%

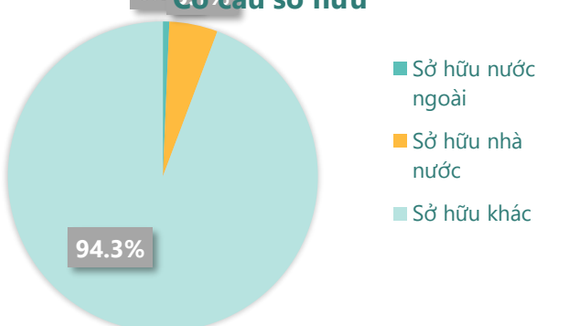
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 8,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
Số lượng CPLH (CP)	4,947,477
KLGD BQ 20 phiên (CP)	205
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	
EPS	406
P/E	13.6

DT thuần
2024
370
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 232| 169%

LN thuần
2024
2.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.51| 103%

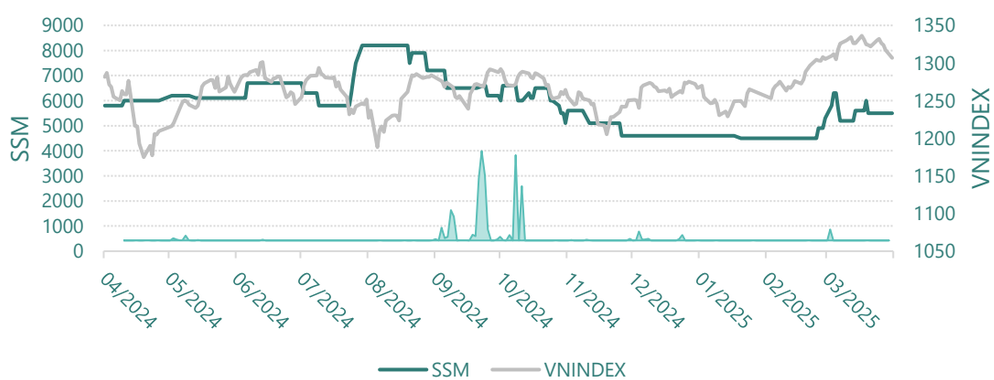
LN sau thuế
2024
4.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.06| 206%

Cơ cấu sở hữu

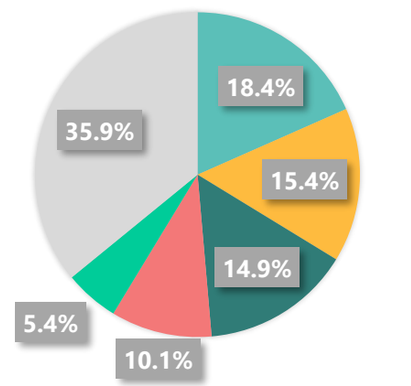


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

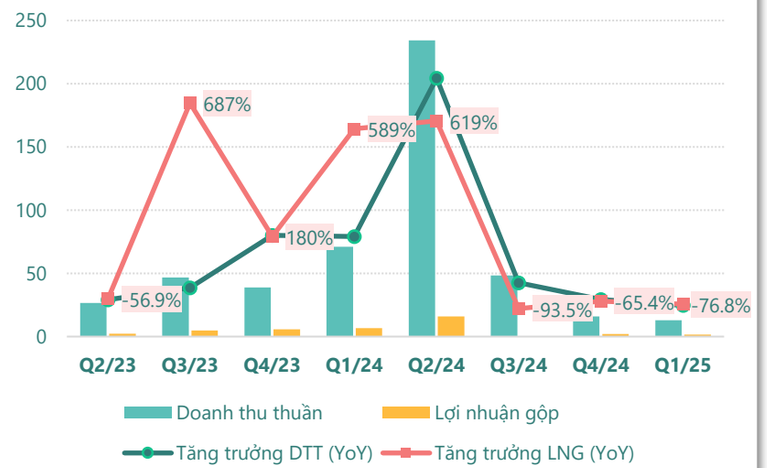


- Hồ Thái Hòa (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Tình (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thành Công (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM
- Lê Công Xinh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

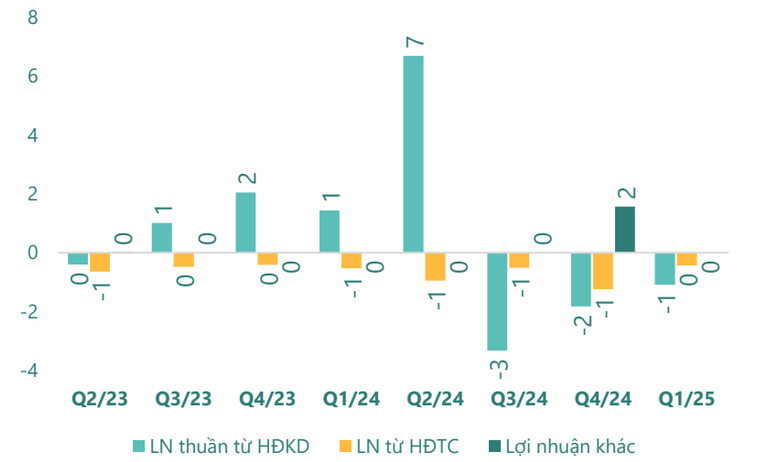
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



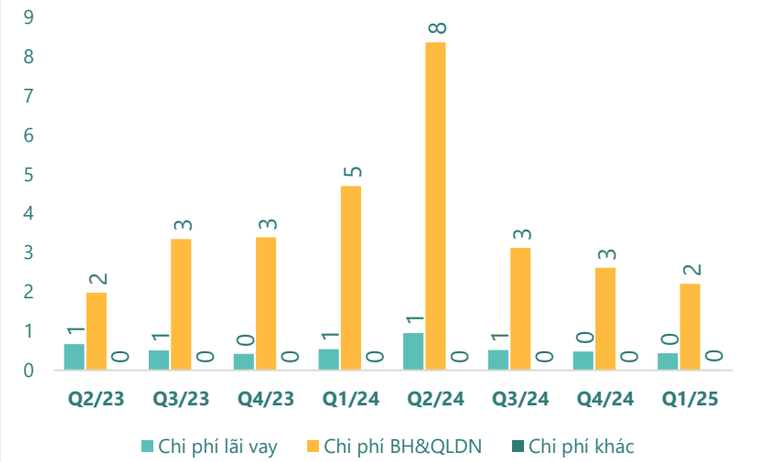
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



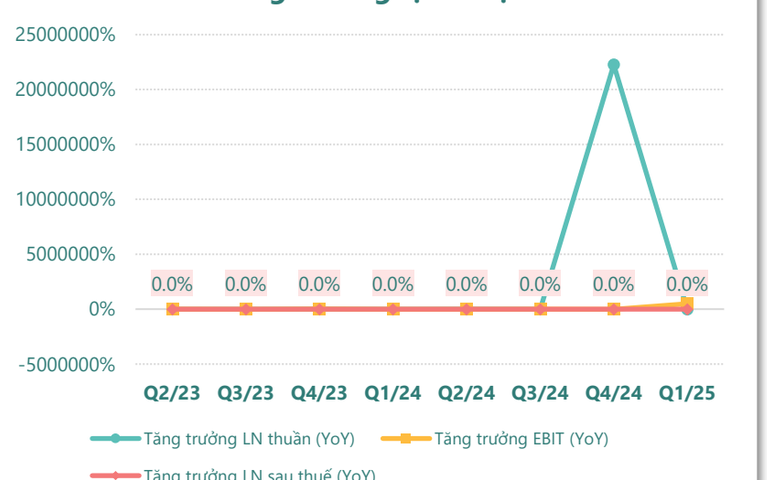
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



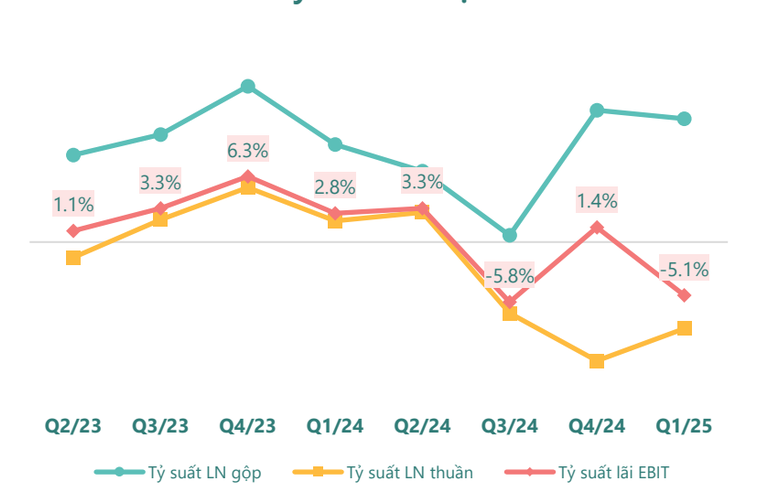
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



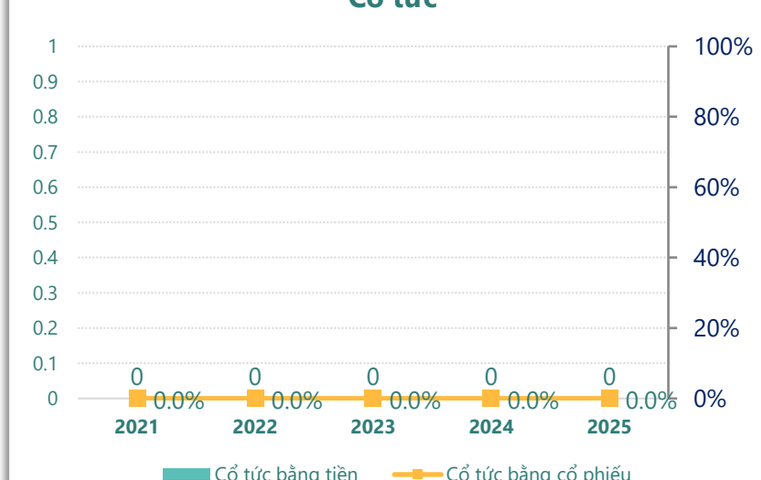
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

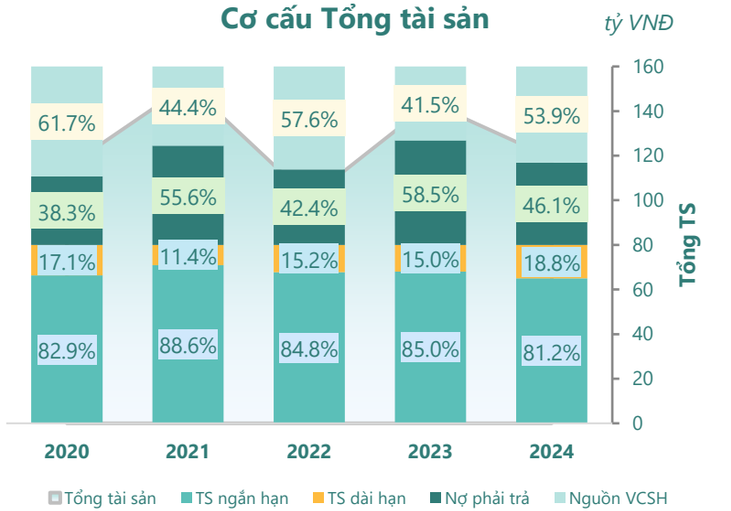
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

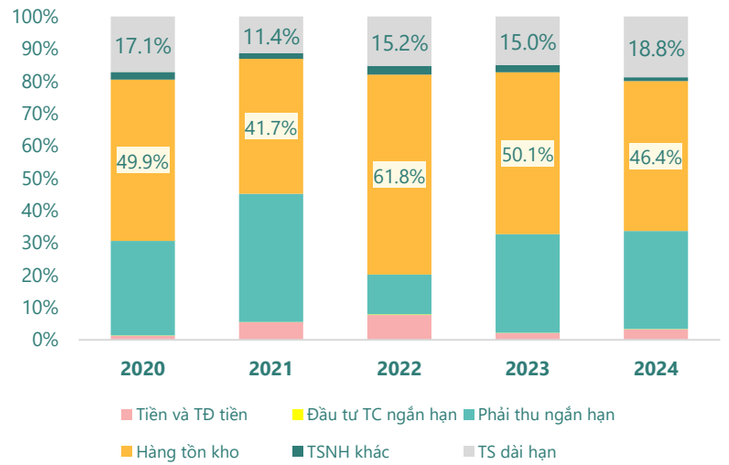
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



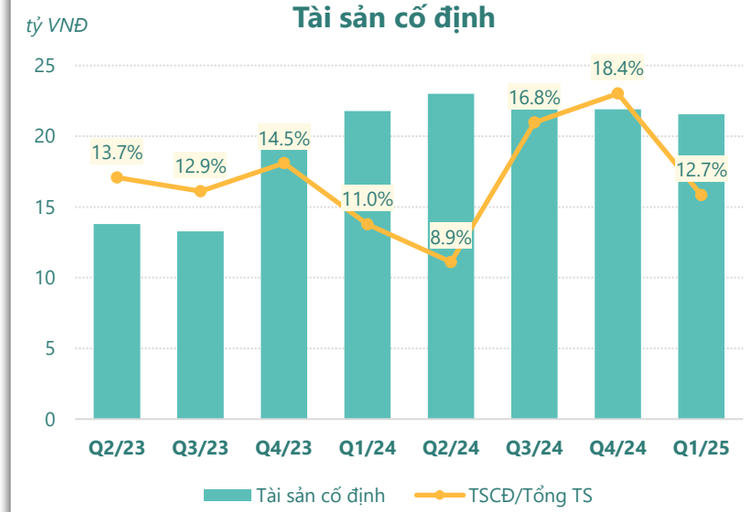
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



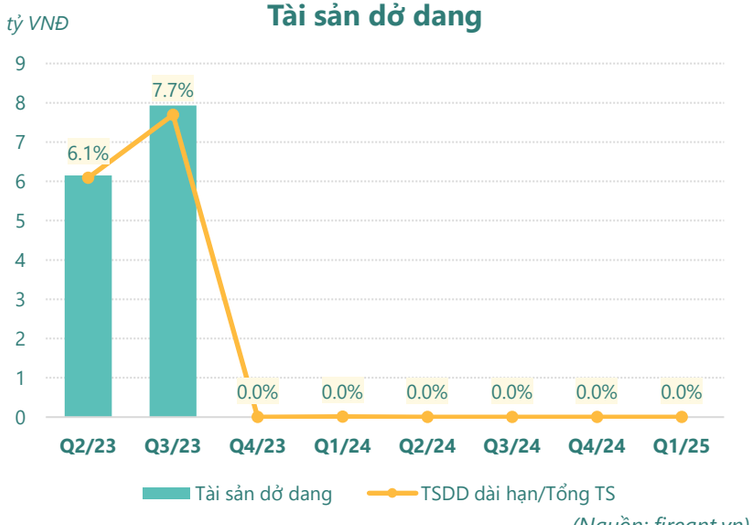
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



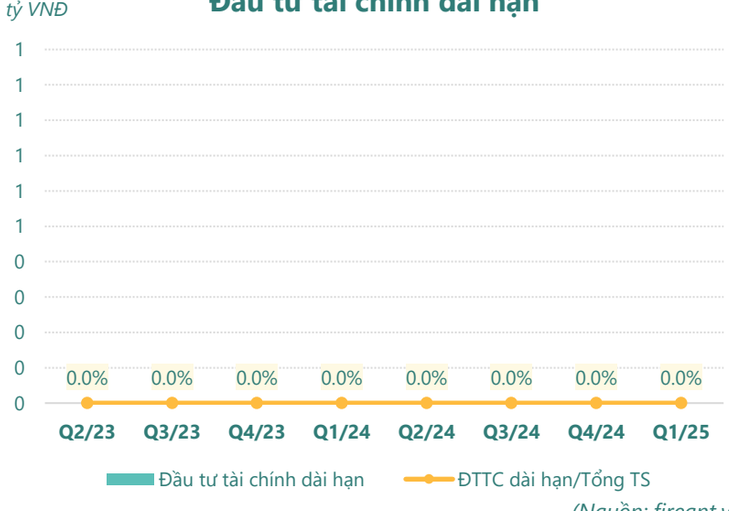
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



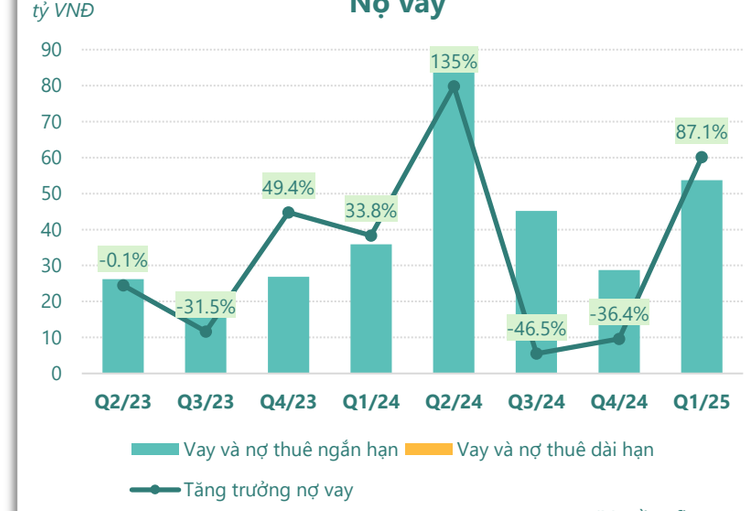
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

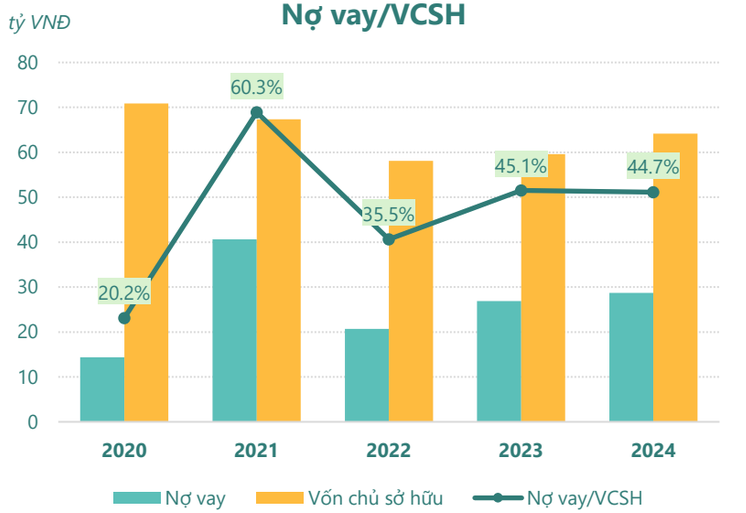
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



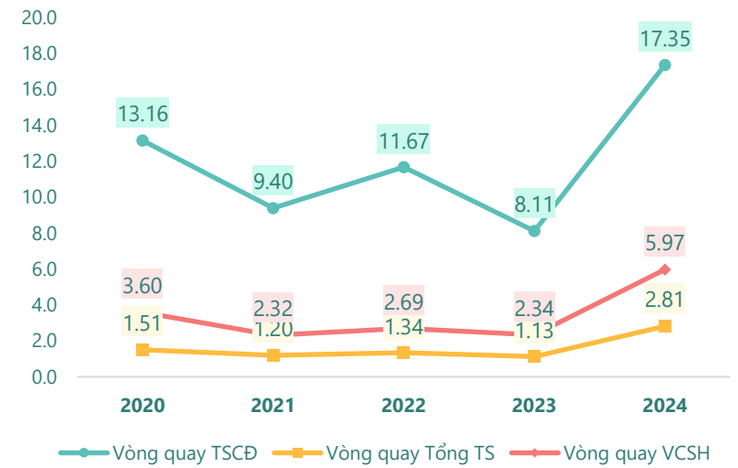
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



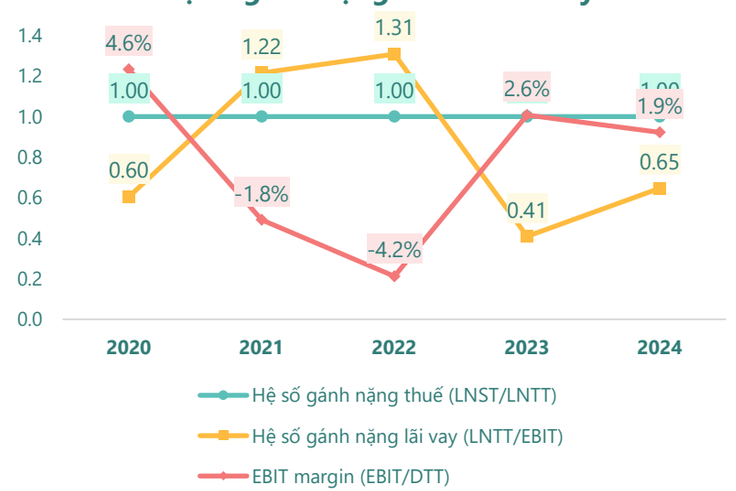
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



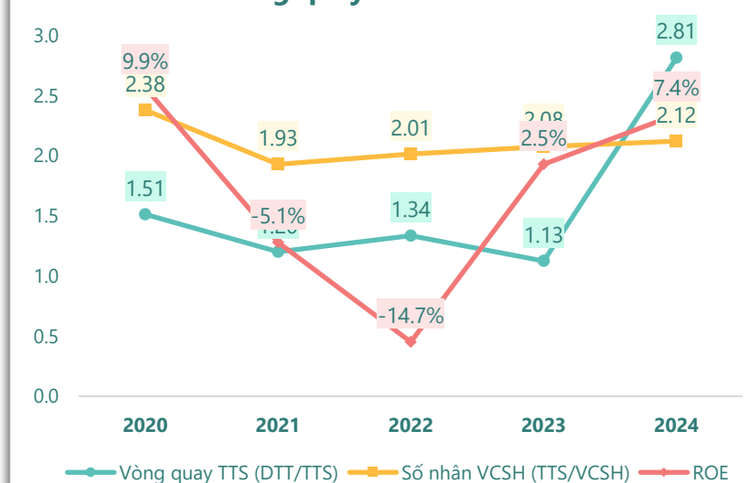
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



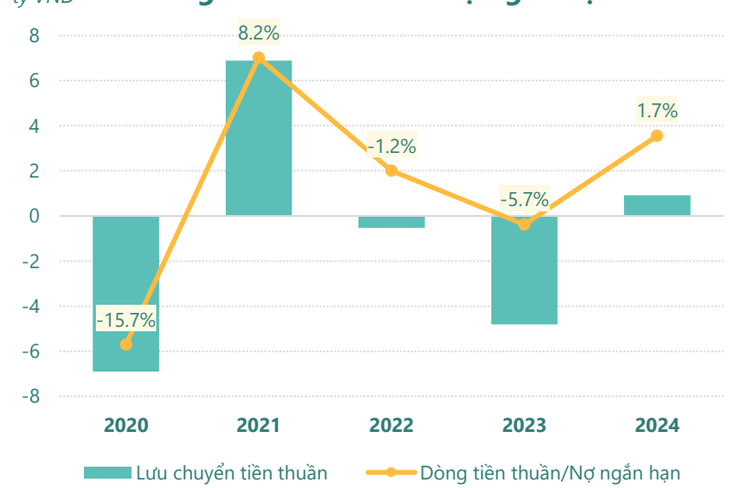
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**13.0**	**71.0**	**-81.7%**	**370**	**138**	**169%**
Giá vốn hàng bán	11.5	64.3	-82.2%	345	124	179%
Lợi nhuận gộp	1.55	6.67	-76.8%	25.0	14.0	79.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.02	0.06	-74.2%
Chi phí TC	0.43	0.54	-19.5%	3.26	2.15	51.8%
Chi phí lãi vay	0.43	0.54	-19.5%	2.49	2.15	15.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	1.97	-100%	8.28	3.88	113%
Chi phí QLDN	**2.20**	**2.73**	**-19.3%**	**10.5**	**6.53**	**61.1%**
LN thuần từ HĐKD	-1.09	1.44	-176%	2.98	1.47	103%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**1.57**	**0.02**	**7433%**
LN trước thuế	-1.10	1.44	-177%	4.55	1.49	206%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.10**	**1.44**	**-177%**	**4.55**	**1.49**	**206%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.10**	**1.44**	**-177%**	**4.55**	**1.49**	**206%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	2.81	2.74	-20.0	2.26	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.02	-1.66	-1.85	0.00	-3.53	-0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.88	9.07	48.5	-39.3	1.85	25.0
Tiền đầu kỳ	2.11	2.95	13.2	62.6	3.29	3.87
Lưu chuyển tiền thuần	**0.85**	**10.2**	**49.4**	**-59.3**	**0.58**	**3.53**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.95	13.2	62.6	3.29	3.87	7.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**170**	**119**	**42.9%**
Tài sản ngắn hạn	147	96.6	52.6%
Tiền và tương đương tiền	7.40	3.87	91.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.09	0.09	0.0%
Phải thu ngắn hạn	31.0	36.1	-14.0%
Hàng tồn kho	103	55.2	87.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.65	1.43	296%
Tài sản dài hạn	**22.6**	**22.3**	**1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.6	21.9	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.07**	**0.44**	**144%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	107	54.8	95.2%
Nợ ngắn hạn	**107**	**54.8**	**95.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.7	28.7	87.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.7	14.9	119%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**63.1**	**64.2**	**-1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**63.1**	**64.2**	**-1.7%**
Vốn điều lệ	55.0	55.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)